

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 15 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ dự toán từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của

Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét Tờ trình số 178/TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ dự toán từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 147/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ dự toán từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, với tổng số tiền là 70,152 tỷ đồng. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2b)

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương



Phụ lục

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG (VỐN SỰ NGHIỆP) NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự án 2: Đa dạng sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			Tổng
			Cộng	Tiểu DA 1	Tiểu DA 2	Cộng	Tiểu DA 1	Tiểu DA 3	Cộng	Tiểu DA 1	Tiểu DA 2	Cộng	Tiểu DA 1	Tiểu DA 2	
A	B	1	2 = 3 + 4	3	4	5 = 6 + 7	6	7	8 = 9 + 10	9	10	11 = 12 + 13	12	13	14 = 1 + 2 + 5 + 8 + 11
I	Sở, ngành tỉnh	0	455	0	455	5.524	1.098	4.426	424	58	366	1.529	1.046	483	7.932
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0	0			549	549		366		366	589	306	283	1.504
2	Sở Nội vụ	0				4.426		4.426	0			280	230	50	4.706
3	Sở Văn hóa TT&DL	0	0			0			58	58		220	170	50	278
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0			549	549		0			220	170	50	769
5	Sở Y tế		455		455	0			0			220	170	50	675
II	Cấp huyện	25.494	14.600	10.505	4.095	14.312	9.886	4.426	1.698	234	1.464	6.116	4.182	1.934	62.220
1	Huyện Cái Bè	3.630	2.016	1.496	520	1.785	1.140	645	241	33	208	870	595	275	8.542
2	Huyện Cai Lậy	2.145	1.227	884	343	1.307	862	445	144	20	124	514	351	163	5.337
3	Thị xã Cai Lậy	2.145	1.296	884	412	1.167	862	305	144	20	124	514	351	163	5.266
4	Huyện Châu Thành	3.960	2.159	1.631	528	1.758	1.140	618	259	35	224	950	650	300	9.086
5	Huyện Tân Phước	1.898	1.086	782	304	1.125	820	305	126	17	109	454	310	144	4.689
6	Thành phố Mỹ Tho	2.145	1.227	884	343	1.240	865	375	144	20	124	515	352	163	5.271
7	Huyện Chợ Gạo	2.475	1.416	1.020	396	1.404	959	445	166	23	143	595	407	188	6.056
8	Huyện Gò Công Tây	1.898	1.086	782	304	1.193	818	375	126	17	109	456	312	144	4.759
9	Thành phố Gò Công	1.650	944	680	264	1.105	800	305	110	15	95	396	271	125	4.205
10	Huyện Gò Công Đông	1.898	1.146	782	364	1.224	850	374	126	17	109	456	312	144	4.850
11	Huyện Tân Phú Đông	1.650	997	680	317	1.004	770	234	112	17	95	396	271	125	4.159
Tổng (I+II)		25.494	15.055	10.505	4.550	19.836	10.984	8.852	2.122	292	1.830	7.645	5.228	2.417	70.152